

**SAO KÊ TÀI KHOẢN**  
**ACCOUNT STATEMENT**

Tên tài khoản/Account name: CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Ngày thực hiện/ Date: 26/02/2024

Chi nhánh thực hiện/ Branch: KỶ ĐỒNG

Địa chỉ/ Address: 12/14/18 DUONG 49,KP7,P.H B CHANH,TP.THUDUC,TPHCM

Số tài khoản/Account number: 0721005104420

CIF: 0004202353

Loại tiền/Currency: VND

Từ/ From: 01/01/2024 Đến/ To: 31/01/2024

Số dư đầu kỳ/ Carried balance: 304.208.211

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
02/01/2024 5211.93157		332.808	304.541.019	0200888899010210045120241001698142.93157. 100446.CTY HNT TT HD 00079099 - NGOC THOM
03/01/2024 5009.55171		28.205.338	332.746.357	SHGD:10000305.DD:240103.BO:CONG TY TNHH MTV HOI NHAP PHAT TRIEN DONG HUNG.Remark:TT TIEN HANG V002188 DS T8/2023
05/01/2024 5009.84036		989.560		SHGD:10006537.DD:240105.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:@PL@ CTY TNHH K.A THANH TOAN HD SO 27
05/01/2024 83.6970		225.033.275		/Ref:PA_TTMN0SQZT24004{/}/ TT VNMN0SQZT N 73117.73559.75057.77457.65349.65350.65359.66 314.65361.65360.65301.66315.65362.66327.6631 9.66328.66329.66324.66326.66325.66330.66318. 66340.66 DVC:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS
05/01/2024 5136.18567		1.104.505	559.873.697	IBBIZ6009418567.Terra thanh toan cong no NCC Ngoc Thom hd 72965, 77523
06/01/2024 9915.27556	55.000			THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU DONG THANG 12/2023. SDT: 0917823679. So tien 55000 VND
06/01/2024 5056.10951	200.007.700		359.810.997	IBVCB.0601240561765001.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT
08/01/2024 5211.68947		501.462	360.312.459	0200888899010810531220241001985149.68947. 105313.CTY HNT TT HD 00001143 - CAN TRU HD TRA HANG 00007117.00007118 148,676VND - NGOC THOM
09/01/2024 8.32		4.992.467		TTTM SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
09/01/2024 5056.59191	100.007.700		265.297.226	IBVCB.0901240224513001.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT



Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
10/01/2024 5009.34286		33.807.277		SHGD:10015006.DD:240110.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90089005820B2SC090089 005820B2SC0 ChargeDetails OUR
10/01/2024 5130.85339		1.360.800.000		/Ref:POR240110006{\\}VCBL HCM CHUYEN KHOAN THANH TOAN LAN 1 KHOAN 2.1.1 THUOC HD MBHH: 90.23.13/CTTC-HDMB NGAY 27.12.23
10/01/2024 5009.78464		2.479.027	1.662.383.530	SHGD:10007169.DD:240110.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:@PL@ CTY TNHH K.A THANH TOAN HD SO 1293
11/01/2024 5056.5889	500.007.700			IBVCB.1101241027203001.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT
11/01/2024 5058.10540	37.422.000			IBVCB.1101240318645002.DAT COC 50% -CTY KHACH SAN THEQUEENDOR
11/01/2024 5056.11339	200.007.700		924.946.130	IBVCB.1101241013605003.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT
12/01/2024 9917.17310	110.000			THU PHI DUY TRI DICH VU VCB IBANKING NAM 2023. SO TIEN 110000 VND
12/01/2024 5009.78983		30.018.675		SHGD:10001031.DD:240112.BO:CONG TY TNHH MTV HOI NHAP PHAT TRIEN DONG HUNG.Remark:TT TIEN HANG V002188
12/01/2024 9920.25		6.075.529	960.930.334	//SAL2024012S007005633007//CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU TT TIEN HANG LS1474 TT INV 10+11 2023
13/01/2024 5056.49866	100.007.700		860.922.634	IBVCB.1301240314315001.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT
15/01/2024 5056.70857	500.007.700			IBVCB.1501240692787001.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT
15/01/2024 5219.78177		4.095.265		799544.150124.164724.cle tt on ngoc thom ga u muoi
15/01/2024 5009.40618		192.663.453	557.673.652	SHGD:10002859.DD:240115.BO:CONG TY TNHH DICH VU EB.Remark:70103.70111.70110.70084.70083.712 67.71283.71269.71275.71273.71272.71271.71274 .71282.71276.71280.71510.71270.71618.71617.7 1607.71632.71678.71 677.71656.71655.71603.71595.71597.71281.7127 7.71604.71605.
16/01/2024 5056.97363	500.007.700			IBVCB.1601240755997002.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT
16/01/2024 5009.29612		65.371.098	123.037.050	SHGD:10006250.DD:240116.BO:TRUNG TAM DIEU HANH SATRAFOODS.Remark:SATRAFOOD TT TIEN HANG T10N2023 CHO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM VD 426

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
17/01/2024 5009.50851		731.764		SHGD:10001340.DD:240117.BO:CT TNHH TM GIAO NHAN VAN TAI HNT.Remark:CTY HNT TT HD 00002341 - BO SUNG LAI TIEN HD TRA HANG 148,676VND - NGOC THOM
17/01/2024 5009.64600		50.526.113	174.294.927	SHGD:10000369.DD:240117.BO:CONG TY TNHH MTV HOI NHAP PHAT TRIEN DONG HUNG.Remark:TT TIEN HANG V002188
18/01/2024 5058.36801	23.828.970			IBVCB.1801240658617001.BKG NO 7247083710
18/01/2024 5065.26695	3.000.000			NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:18012024+MST:0309391503+ DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT:1056286+LT hue:01(C:754-TM:2862-KT:00/CN/2024-ST:30 00000-GChu:Nop thue mon bai nam 2024)
18/01/2024 5065.26788	1.000.000			NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:18012024+MST:0309391503+ DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT:1056286+LT hue:01(C:754-TM:2864-KT:00/CN/2024-ST:10 00000-GChu:Nop thue mon bai chi nhanh nam 2024)
18/01/2024 5065.26852	1.236.526		145.229.431	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:18012024+MST:0309391503+ DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT:1056286+LT hue:01(C:757-TM:1001-KT:00/12/2023-ST:123 6526-GChu:Nop thue TNCN thang 12/2023)
19/01/2024 8.43	28.259.110			CHUYEN KHOANMS0309391503;Ch754;HQ02CI;LHA 11;TKH10603219175;TM1702;STVA;ST28,25 9,110;Cong Ty TNHH Mot Thanh Vien Thuong Mai Va Dich Vu Ngoc Thom
19/01/2024 5211.9022		555.902		0200888899011910054620241001480230.9022.1 00546.CTY HNT TT HD 00002903 - NGOC THOM
19/01/2024 5215.84869		15.505.083		842446.190124.153529.CTCP SG HD ST Genshai TTH theo bang ke chi tiet ngay 19012024 Ma NCC 50904
19/01/2024 5009.35656		1.164.999		SHGD:10008173.DD:240119.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:@PL@ CTY TNHH K.A THANH TOAN HD SO 2551
19/01/2024 5219.16084		119.980.317	254.176.622	912582.190124.170351.Tmart tt ngoc thom
20/01/2024 5058.83105	41.062.000		213.114.622	IBVCB.2001240192873001.THANH TOAN TIEN HANG.
22/01/2024 9920.13		843.296.033		IBVCB.202401225087055589.13.24200344-LIE N HIEP TT TIEN HANG THEO BK NGAY 19/01/2024

197-072  
HANG  
AI CO PHAN  
INGVIETNA  
NHANH  
ĐỒNG  
P. HỒ CHÍ

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
22/01/2024 5009.77015		90.055.416	1.146.466.071	SHGD:10001644.DD:240122.BO:CTTNHH XNK VA BL HANG TIEU DUNG HN.Remark:24026 HCRC TT tien hang-BA-1705913659491-1
24/01/2024 5211.75158		370.602		0200888899012409174420241001685956.75158. 091744.CTY HNT TT HD 00004342 - NGOC THOM
24/01/2024 5009.4845		25.643.758	1.172.480.431	SHGD:10000607.DD:240124.BO:CONG TY TNHH MTV HOI NHAP PHAT TRIEN DONG HUNG.Remark:TT TIEN HANG V002188
25/01/2024 9401.0012468207	22.000			THU PHI QLTK TO CHUC-VND
25/01/2024 9702.0012468207		76.163	1.172.534.594	INTEREST PAYMENT
26/01/2024 5009.23544		22.701.040	1.195.235.634	SHGD:10001290.DD:240126.BO:CONG TY CP SEVEN SYSTEM VIET NAM 00131724.Remark:069DGEX240260254 : SSV thanh toan mua HH T12/2023
27/01/2024 5056.22775	500.007.700		695.227.934	IBVCB.2701240237317001.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT
29/01/2024 5009.27979		24.427.332		SHGD:10000411.DD:240129.BO:CONG TY TNHH MTV HOI NHAP PHAT TRIEN DONG HUNG.Remark:TT TIEN HANG V002188
29/01/2024 8.184		5.227.632	724.882.898	TTTM SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
30/01/2024 5009.16391		3.071.771		SHGD:10001035.DD:240130.BO:CONG TY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU CHI NHANH HA NOI.Remark:HBSanh Dieu HN tt cho Ngoc Thom HD T10+11+12/2023+XT
30/01/2024 5009.73730		45.462.763		SHGD:10001421.DD:240130.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90024005820B1SC090024 005820B1SC0 ChargeDetails OUR
30/01/2024 5009.92637		90.435.421		SHGD:10004913.DD:240130.BO:TRUNG TAM DIEU HANH SATRAFOODS.Remark:SATRAFOODS TT TIEN HANG T1 IN2023 CHO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM VD 426
30/01/2024 5009.6995		25.090.638		SHGD:10001386.DD:240130.BO:CONG TY TNHH MTV HOI NHAP PHAT TRIEN DONG HUNG.Remark:TT TIEN HANG V002188
30/01/2024 5058.96018	37.422.000		851.521.491	IBVCB.3001240294103002.TAT TOAN -CTY KHACH SAN THEQUEENDOR

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

Tổng số: 2.773.479.206

3.320.792.486

Total

Số dư cuối kỳ:

851.521.491

Balance

THANH TOÁN VIÊN



KIỂM SOÁT

*Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của Vietcombank!  
Thank you for using Vietcombank's services!*

*Phạm Huỳnh Ngọc Linh*

**VIETCOMBANK - Chung niềm tin vững tương lai**

*VIETCOMBANK - Together for the future*

\*\*\*\*\*

**Ghi chú:** Giấy xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương không tạo nên bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào tại thời điểm hiện tại hay tương lai về các nghĩa vụ của khách hàng được xác nhận với bên thứ ba./

**Note:** This statement does not create any Vietcombank's commitment or guarantee in the present or future regarding the customer's obligations with the third party./





**SAO KÊ TÀI KHOẢN**  
**ACCOUNT STATEMENT**

Tên tài khoản/Account name: CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Ngày thực hiện/ Date: 26/02/2024

Chi nhánh thực hiện/ Branch: KỶ ĐỒNG

Địa chỉ/ Address: 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP. THUDUC, TPHCM

Số tài khoản/Account number: 0721005104420

CIF: 0004202353

Loại tiền/Currency: VND

Từ/ From: 01/11/2023 Đến/ To: 31/12/2023

Số dư đầu kỳ/ Carried balance: 307.474.028

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
01/11/2023 5009.74958		1.295.274	308.769.302	SHGD:10005001.DD:231101.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:@PL@ CTY TNHH K.A THANH TOAN HD SO 64928
02/11/2023 5056.78165	11.116.700		297.652.602	IBVCB.0211230854436001.MA SO/ Code: 1X286J1738-CTY TSL
03/11/2023 5211.85904		1.011.867		0200888899110310422120231001355350.85904.104150.CTY HNT TT HD 00065347 - NGOC THOM
03/11/2023 5218.12729		599.713	299.264.182	146000.031123.153502.bao minh tt ngoc thom hd 61023
04/11/2023 9915.80987	55.000		299.209.182	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐÔNG THANG 10/2023. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND
06/11/2023 8.119		2.128.075		TTTM SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
06/11/2023 77.6720		196.993.559		/Ref:PA_TTMNOLL4523309{//} TT VNMNOLL45 N 60869.62477.63634.53313.53227.53315.53301.53 308.53357.53275.53282.53271.53276.53286.5328 7.53314.53268.53269.53283.53336.53289.53267. 53278.53 DVC:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS
06/11/2023 5056.59524		100.000.000		IBVCB.0611230842802001.CK NOI BO.
06/11/2023 5058.59999	550.328.609		48.002.207	IBVCB.0611230830250002.TT HD SO 44 -CTY THU HANG
07/11/2023 5219.27473		719.656		045573.071123.103600.bao minh tt ngoc thom hd 66644
07/11/2023 5136.17510		1.152.636	49.874.499	IBBIZ6007817510.Terra thanh toan cong no NCC Ngoc Thom - HD 61061,60991



Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
10/11/2023 5009.22594		24.239.699	74.114.198	SHGD:10011246.DD:231110.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90114005820B2SC090114 005820B2SC0 ChargeDetails OUR
13/11/2023 5009.40270		142.483	74.256.681	SHGD:10002639.DD:231113.BO:CT TNHH TM GIAO NHAN VAN TAI HNT.Remark:CTY HNT TT HD 00067770 - CAN TRU HD TRA HANG 00006225.00006224.00006002.00005973.000055 24 893,000VND - NGOC THOM
14/11/2023 5009.40851		11.652.434		SHGD:10008874.DD:231114.BO:CONG TY CO PHAN INTIMEX DA NANG.Remark:INTIMEX PDP DA NANG TT
14/11/2023 5056.37962	10.686.000		75.223.115	IBVCB.1411230753150001.TT HD SO 10914-CTY BAO VIET GIA DINH
15/11/2023 5056.65452	70.000.000			IBVCB.1511230280630001.CK NOI BO.
15/11/2023 78.7009		74.483.615	79.706.730	/Ref:PA_TTMN0MOC323318{}/TT VNMN0MOC3 N 57812.57813.57896.57893.57645.57820.57785.57 844.57845.57790.57783.57787.57789.57782.5779 2.57788.57786.58943.57784.57861.58944.57791. 58945.58 DVC:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS
16/11/2023 5009.6827		967.587		SHGD:10000672.DD:231116.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:@PL@ CTY TNHH K.A THANH TOAN HD SO 67773
16/11/2023 5058.98924	2.239.600		78.434.717	IBVCB.1611230614734002.THANH TOAN CHO CTY HTC
17/11/2023 5009.99937		13.424.923		SHGD:10001801.DD:231117.BO:CTY TNHH VIET Y HA NOI CENTER.Remark:@PL@ Sieu thi Viet Y TT don hang thang 03042023 tru xuat tra
17/11/2023 5212.96363		7.964.089	99.823.729	285170.171123.152243.CTCP SG HD ST Genshai TTTH theo bang ke chi tiet ngay 17112023 Ma NCC 50904
20/11/2023 5065.5336	5.923.496			NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:20112023+MST:0309391503+ DBHC:769HH-TKNS:7111+CQT:1056286+LT hue:01(C:754-TM:1001-KT:00/10/2023-ST:592 3496-GChu:Nop thue TNCN thang 10/2023)
20/11/2023 5009.28273		1.682.638		SHGD:10002986.DD:231120.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:@PL@ CTY TNHH K.A THANH TOAN HD SO 69359
20/11/2023 5017.66473		4.500.021		140453.201123.160558.cle tt cn ngoc thon ga u moi
20/11/2023 5215.67312		109.195.183	209.278.075	528424.201123.163550.Tmart thanh toan tien hang

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
21/11/2023 9920.77		862.127.675	1.071.405.750	//SAL2023325S007005143005//23000079 LIEN HIEP TT TIEN HANG THEO BK NGÀY 17 11 2023
22/11/2023 5009.67016		119.424.368		SHGD:10000534.DD:231122.BO:CONG TY TNHH GS 25 VIETNAM.Remark:GS 25 Thanh toan tien hang cho CONG TY TNHH MTV THUONG MAI VA DICH VU NGOC THOM
22/11/2023 5058.64333	620.204.600		570.625.518	IBVCB.2211230031512002.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY THU HANG.
23/11/2023 5009.88206		58.581.916		SHGD:10000361.DD:231123.BO:CTTNHH XNK VA BL HANG TIEU DUNG HN.Remark:23613 HCRC TT tien hang-BA-1700728549442-1
23/11/2023 5009.89536		96.259.984	725.467.418	SHGD:10004642.DD:231123.BO:TRUNG TAM DIEU HANH SATRAFOODS.Remark:SATRAFOODS TT TIEN HANG T8N2023 CHO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM VD 426
24/11/2023 5009.67161		1.604.309		SHGD:10004779.DD:231124.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:@OT@ CTY TNHH K.A THANH TOAN HD SO 70089
24/11/2023 5009.99022		27.092.511	754.164.238	SHGD:10001085.DD:231124.BO:CONG TY CP SEVEN SYSTEM VIET NAM 00131724.Remark:069DGEX233280183 : SSV thanh toan mua HH T10/2023
25/11/2023 5218.74090		500.000		022144.251123.090118.shinsen tt cong no ngoc thom
25/11/2023 5241.34916		490.000.000		MBVCB.4704120460.nop tien mat.CT tu 9999585858 DANG XUAN NGOC toi0721005104420 CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
25/11/2023 5242.44041		310.000.000		MBVCB.4704124720.nop tien mat.CT tu 9999585858 DANG XUAN NGOC toi0721005104420 CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
25/11/2023 9404.0012468207	22.000			THU PHI QLTK TO CHUC-VND
25/11/2023 9705.0012468207		38.435	1.554.680.673	INTEREST PAYMENT
27/11/2023 5056.50460		100.000.000		IBVCB.2711230361094001.CK NOI BO.
27/11/2023 5058.50534	1.588.503.879		66.176.794	IBVCB.2711230109826002.TT HD SO 02-CTY THU HANG
28/11/2023 5211.34101		526.018		0200888899112814225420231001257445.34101.142158.CTY HNT TT HD 00071576 - NGOC THOM
28/11/2023 5212.55857		102.186.724	168.889.536	505180.281123.161654.Tmart thanh toan tien hang
29/11/2023 5057.14598	66.254.427			IBVCB.2911230596270001.+BHXH+103+00+T U1428U+07903+Dong BHXH+

AN HANG  
 G MAI CO  
 HUONG VI  
 H NHAN  
 Y DON  
 - TP HO

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
29/11/2023 9920.17		7.329.361		//SAL2023333S007005633001//CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU TT TIEN HANG LS1474 TT INV 09+10 2023
29/11/2023 5009.73166		10.628.038		SHGD:10005315.DD:231129.BO:CTY TNHH VIET Y HA NOI CENTER.Remark:@SL@ Sieu thi Viet Y TT don hang thang 05062023 tru xuat tra
29/11/2023 5215.38200		11.569.580	132.162.088	100382.291123.155909.CT SUNSHINE MART TT TIEN THANG 10 23 HD 59261 59269 BU TRU XT T10 23 1 491 458D XT TRU 2 LAN 956 506D CHO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THO CTN
30/11/2023 5009.67978		52.353.857		SHGD:10002972.DD:231130.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90028005820B1SC090028 005820B1SC0 ChargeDetails OUR
30/11/2023 5017.70750		4.895.530	189.411.475	132371.301123.162750.cle tt cn ngoc linh vinafoco
01/12/2023 5211.38347		533.761		0200888899120110442820231001368732.38347.104428.CTY HNT TT HD 00071847 - CAN TRU HD TRA HANG 00006674 92,837VND - NGOC THOM
01/12/2023 8.114		3.915.713		TTM SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
01/12/2023 5213.12342		9.553.862	203.414.811	970043.011223.221109.BK OSI TH10-011223-22:11:07 970043
04/12/2023 5058.16309	17.924.623			IBVCB.0412230660776001.THANH TOAN TIEN HD THANG 10 VA 11-2023
04/12/2023 5056.16463	749.660			IBVCB.0412230359132002.THANH TOAN HD THANG 10 VA 11-2023.
04/12/2023 5056.16572	180.000.000			IBVCB.0412230989324003.CK NOI BO.
04/12/2023 5189.67104		3.000.000		020097042212041511172023R93H172187.67104 .151118.Unomart tt 1 phan cong no NCC Ngoc Thom
04/12/2023 5211.59050		557.904	8.298.432	0200888899120417505220231001471891.59050.175052.CTY HNT TT HD 00071474 - NGOC THOM
05/12/2023 102.6260		156.613.275	164.911.707	/Ref:PA_TTMN0OUO423338{/}/ TT VNMN0OUO4 N 67666.69029.71333.59340.59384.59349.59339.59 356.59350.59383.59341.59312.59305.59301.5930 2.59306.59308.59256.59307.59311.59309.59304. 60595.59 DVC:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS
06/12/2023 5056.58667	100.007.700			IBVCB.0612230886626001.DAT COC HD 146-CTY APK

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
06/12/2023 5009.44675		47.755.669	112.659.676	SHGD:10006522.DD:231206.BO:TRUNG TAM DIEU HANH SATRAFOODS.Remark:SATRAFOODS TT TIEN HANG T9N2023 CHO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM VD 426
07/12/2023 5017.18299		131.222.989	243.882.665	930427.071223.154723.Tmart thanh toan tien hang
09/12/2023 9915.55055	55.000		243.827.665	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU DONG THANG 11/2023. SDT: 0917823679. So tien 55000 VND
10/12/2023 5387.16392		3.941.000	247.768.665	02009704221210163102202318S8662395.16392.163103.Unomart tt NCC Ngoc Thom 1 phan no cu
11/12/2023 5056.49484	240.000.000			IBVCB.1112230792100001.CK NOI BO.
11/12/2023 5009.80969		30.797.020	38.565.685	SHGD:10008865.DD:231211.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90174005820B2SC090174 005820B2SC0 ChargeDetails OUR
12/12/2023 5009.44718		1.484.236	40.049.921	SHGD:10004597.DD:231212.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:@PL@ CTY TNHH K.A THANH TOAN HD SO 74045
13/12/2023 5216.67618		14.121.642	54.171.563	490695.131223.090035.JM QUOC TE tt gio muoi T8 6784754 HD 49634 T9 7336888 HD 51644 58105-CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM-J00107
14/12/2023 5009.66656		2.290.641	56.462.204	SHGD:10001561.DD:231214.BO:CONG TY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU CHI NHANH HA NOI.Remark:HBSanh Dieu HN tt cho Ngoc Thom HD t9+11/2023+xt
15/12/2023 5136.48501		560.759		IBBIZ6008748501.Terra thanh toan cong no nhap gio, cha NCC Ngoc Thom - HD 71691
15/12/2023 81.7178		162.321.361	219.344.324	/Ref:PA_TTMN0QABN23348{/}/ TT VNMMN0QABN N 72806.63748.63647.63747.63648.63737.63738.63860.63745.63754.63691.63739.63690.63755.63822.63746.63845.63823.63694.63863.63809.63693.63692.63 DVC:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS
16/12/2023 5058.77833	73.449.040		145.895.284	IBVCB.1612230471040001.TT HD SO 342 VA 378-CTY PHUNG LINH
18/12/2023 5212.85194		10.908.969	156.804.253	537041.181223.154215.CTCP SG HD ST Genshai TTTH theo bang ke chi tiet ngay 18122023 Ma NCC 50904
19/12/2023 5065.46131	4.518.490		152.285.763	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:19122023+MST:0309391503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT:1056286+LT hue:01(C:757-TM:1001-KT:00/11/2023-ST:451 8490-GChu:Nop thue TCNC thang 11/2023)



Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
20/12/2023 5009.83300		3.651.365		SHGD:10005827.DD:231220.BO:CONG TY TNHH TM K.A.Remark:CTY TNHH K.A TT HD 74046, 75744
20/12/2023 5214.19770		146.592.010		272289.201223.163118.Tmart thanh toan tien hang
20/12/2023 5214.60719		817.089		634264.201223.171057.CTY HNT TT HD 00075741 CAN TRU HD TRA HANG HD 0000711700007118 148676VND NGOC THOM
20/12/2023 9920.41		995.449.626	1.298.795.853	//SAL2023354S007005143017//LHHTX THUONG MAI TPHCM 23000045 LIEN HIEP TT TIEN HANG THEO BK NGAY 18 12 2023
21/12/2023 5058.82697	2.731.770		1.296.064.083	IBVCB.2112230153758001.TT HD SO 1691-CTY HTC
22/12/2023 5218.94916		334.640		706597.221223.090633.CTY HNT TT HD 00075972 NGOC THOM
22/12/2023 5009.22625		37.042.715	1.333.441.438	SHGD:10000995.DD:231222.BO:CONG TY TNHH GS 25 VIETNAM.Remark:GS 25 Thanh toan tien hang cho CON G TY TNHH MTV THUONG MAI VA DICH V U NGOC THOM
25/12/2023 5056.39778	300.000.000			IBVCB.2512230810660001.CK NOI BO.
25/12/2023 5009.85917		22.828.481		SHGD:10001104.DD:231225.BO:CONG TY CP SEVEN SYSTEM VIET NAM 00131724.Remark:069DGEX233590214 : SSV thanh toan mua HH T11/2023
25/12/2023 5058.46946	253.049.123			IBVCB.2512230440394003.THANH TOAN HD SO 13-CTY THU HANG
25/12/2023 9404.0012468207	22.000		803.198.796	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
26/12/2023 5057.27092	66.004.884			IBVCB.2612230628972001.+BHXH+103+00+T U1428U+07903+Dong BHXH+
26/12/2023 5216.75755		12.156.623		494463.261223.120237.BK OSI TH09-261223-12:02:37 494463
26/12/2023 5056.71517	425.257.700			IBVCB.2612230381524002.DAT COC -CTY THIEN VUONG
26/12/2023 5216.69713		9.564.096		102265.261223.152854.CT SSMART TT TIEN THANG 11 23 HD 65302 66588 66582 67415 69403 69404 697 70059 71345 71578 BU TRU XT T11 23 2 841 259D CHO CT TNHH MTV
26/12/2023 5009.18981		67.025.605	400.682.536	SHGD:10001397.DD:231226.BO:CTTNHH XNK VA BL HANG TIEU DUNG HN.Remark:23653 HCRC TT TIEN HANG-BA-1703580972998-1
28/12/2023 5056.16085	100.007.700			IBVCB.2812230699532002.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT
28/12/2023 5056.19768	100.007.700			IBVCB.2812230196254003.CTY NGOC THOM RUT TIEN MAT
28/12/2023 5216.67892		114.290.033	314.957.169	435847.281223.152752.Tmart thanh toan tien hang

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
29/12/2023 5009.72566		54.288.152	369.245.321	SHGD:10001440.DD:231229.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90076005820B1SC090076 005820B1SC0 ChargeDetails OUR
30/12/2023 5058.9123	38.233.111			IBVCB.3012230899536001.HD SO 1200-CTY AN VIET
30/12/2023 5058.13050	26.890.240		304.121.970	IBVCB.3012230366926002.TT HD SO 443-CTY PHUNG LINH NT
31/12/2023 9701.0012468207		86.241	304.208.211	INTEREST PAYMENT

Tổng số: 4.854.243.052 4.850.977.235  
Total  
Số dư cuối kỳ: 304.208.211  
Balance

THANH TOÁN VIÊN



*Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của Vietcombank  
Thank you for using Vietcombank's services!*

VIETCOMBANK - Chung niềm tin vững tương lai  
VIETCOMBANK - Together for the future

\*\*\*\*\*

**Ghi chú:** Giấy xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương không tạo nên bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào tại thời điểm hiện tại hay tương lai về các nghĩa vụ của khách hàng được xác nhận với bên thứ ba./

**Note:** This statement does not create any Vietcombank's commitment or guarantee in the present or future regarding the customer's obligations with the third party./

